

Số: 174/NQ-HĐND

Phong Thổ, ngày 19 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 93/NQ-HĐND, ngày 18/10/2022 của HĐND huyện về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ
KHOÁ XXI - KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao danh mục và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Báo cáo thẩm tra số 1586/BC-HĐND ngày 18 tháng 8 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và các ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về giao kế hoạch vốn đầu tư

phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, như sau:

1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Điều chỉnh giảm 03 dự án với tổng mức đầu tư 1.185 triệu đồng; Kế hoạch vốn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 là 970 triệu đồng.

- Thay thế bằng 02 dự án với tổng mức đầu tư 1.020 triệu đồng; Kế hoạch vốn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 là 970 triệu đồng.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Tiểu dự án 1, dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng Kinh tế xã hội tại các huyện nghèo

- Điều chỉnh giảm 01 dự án với tổng mức đầu tư 2.005 triệu đồng; Kế hoạch vốn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 là 2.005 triệu đồng.

- Thay thế bằng 01 dự án với tổng mức đầu tư 2.005 triệu đồng; Kế hoạch vốn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 là 2.005 triệu đồng.

3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

3.1. Nội dung số 2, Tiểu dự án 2. Dự án 3: Đầu tư hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý

Bổ sung tên danh mục dự án, quy mô và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương cho 01 dự án giai đoạn 2023-2025.

3.2. Nội dung 1, Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn

- Điều chỉnh giảm 02 dự án với tổng mức đầu tư 7.000 triệu đồng; Kế hoạch vốn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 là 7.000 triệu đồng.

- Thay thế bằng 03 dự án với tổng mức đầu tư 7.000 triệu đồng; Kế hoạch vốn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 là 7.000 triệu đồng.

3.3. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Điều chỉnh quy mô của 01 dự án.

- Điều chỉnh giảm 03 dự án với tổng mức đầu tư 900 triệu đồng; Kế hoạch vốn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 là 855 triệu đồng.

Thay thế bằng 03 dự án với tổng mức đầu tư 870 triệu đồng; Kế hoạch vốn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 là 855 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện.



Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức, triển khai thực hiện đảm bảo các quy định Luật Đầu tư công.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Phong Thổ khóa XXI, kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 19 tháng 8 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh
 - Sở KH&ĐT
 - Sở Tài chính
 - TT. Huyện ủy
 - TT. HĐND huyện
 - Lãnh đạo UBND huyện;
 - UBMTTQ VN huyện;
 - Các đại biểu HĐND huyện;
 - Các cơ quan, đoàn thể huyện;
 - HĐND, UBND các xã, thị trấn;
 - Lưu: VT.
- } b/c;

CHỦ TỊCH**Vương Thị Thu Hiền**

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị Quyết số 174/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Phong Thổ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Quy mô | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư dự kiến | | Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 | | Chủ đầu tư | Ghi chú | |
|-----------|---|-----------------------------|---|-----------------|-------------------------|--------------|------------------------------|--------------|-------------------|---------|--|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | NSTW | | NSTW | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 10 | 11 | 12 | 13 | |
| A | CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI | | | | | | | | | | |
| 1 | Danh mục điều chỉnh giảm | | | | 1.185 | 970 | 970 | 970 | | | |
| - | Nâng cấp, sửa chữa các đoạn đường nội bản Phiêng Đanh | Bản Phiêng Đanh-Xã Mường So | Đổ bê tông tuyến đường dài 0,3km | 2023-2025 | 200 | 150 | 150 | 150 | UBND xã Mường So | | |
| - | Nâng cấp, sửa chữa các đoạn đường nội thôn Tây Sơn | Thôn Tây Sơn- Xã Mường So | Đổ bê tông các tuyến đường dài 0,8km | 2023-2025 | 650 | 500 | 500 | 500 | UBND xã Mường So | | |
| - | Mở mới, cứng hóa đường nội đồng Huổi Piến | xã Khổng Lào | Mở mới tuyến đường L=0,4 km; Mặt đường và hệ thống thoát nước | 2023-2025 | 335 | 320 | 320 | 320 | UBND xã Khổng Lào | | |
| 2 | Danh mục thay thế | | | | 1.020 | 970 | 970 | 970 | | | |
| - | Nâng cấp, sửa chữa đường nội thôn Tây Sơn | Xã Mường So | L=1,1 km | 2024-2025 | 700 | 650 | 650 | 650 | UBND xã Mường So | | |
| - | Sửa chữa, nâng cấp đường nội đồng Chi Bú bản Cang, xã Khổng Lào | Xã Khổng Lào | 0,75km | 2024-2025 | 320 | 320 | 320 | 320 | UBND xã Khổng Lào | | |
| B | CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO | | | | | | | | | | |
| | Tiểu dự án 1, dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng Kinh tế xã hội tại các huyện nghèo | | | | | | | | | | |
| 1 | Danh mục điều chỉnh giảm | | | | 2.005 | 2.005 | 2.005 | 2.005 | | | |
| | Cấp NSH bản Nhiều Sáng | xã Huổi Luông | Cấp NSH cho 80 hộ | 2022-2024 | 2.005 | 2.005 | 2.005 | 2.005 | Ban QLDA | | |
| 2 | Danh mục thay thế | | | | 2.005 | 2.005 | 2.005 | 2.005 | | | |
| | Cấp NSH bản Nậm Le | Xã Huổi Luông | 117 hộ | 2024-2025 | 2.005 | 2.005 | 2.005 | 2.005 | Ban QLDA | | |
| C | CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI | | | | | | | | | | |
| I | Nội dung số 2, Tiểu dự án 2. Dự án 3: Đầu tư hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án giai đoạn 2023-2025 | | | | 4.406 | 4.406 | 4.406 | 4.406 | | | |
| | Đường vùng dược liệu xã Si Lờ Lầu, huyện Phong | Xã Si Lờ Lầu | 4,107km | 2023-2025 | 4.406 | 4.406 | 4.406 | 4.406 | | | |
| II | Nội dung 1, Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn | | | | | | | | | | |
| 1 | Danh mục điều chỉnh giảm | | | | 7.000 | 7.000 | 7.000 | 7.000 | | | |
| - | Nâng cấp, cải tạo các công trình đường GTNT: Trung tâm chợ - bản Phố Vây và đường từ bản Xin Chải đến bản Phố Vây, xã Si Lờ Lầu | Xã Si Lờ Lầu | 4,0km | 2023-2025 | 5.500 | 5.500 | 5.500 | 5.500 | Ban QLDA | | |

| | | | | | | | | | |
|------------|--|-----------------|--|-----------|--------------|--------------|--------------|--------------|----------------------|
| - | Thủy Lợi Nậm Le 2 | Xã Huổi Luông | 50ha | 2023-2025 | 1.500 | 1.500 | 1.500 | 1.500 | Ban QLDA |
| 2 | Danh mục thay thế | | | | 7.000 | 7.000 | 7.000 | 7.000 | |
| - | Cấp NSH bản Hoàng Liên Sơn 2, xã Nậm Xe | Xã Nậm Xe | 88 hộ, điểm trường, nhà văn hóa bản | 2024-2025 | 2.500 | 2.500 | 2.500 | 2.500 | Ban QLDA |
| - | Nâng cấp công trình cấp NSH xã Đào San | Xã Đào San | 250 hộ, các điểm trường, nhà văn hóa bản | 2024-2025 | 3.000 | 3.000 | 3.000 | 3.000 | Ban QLDA |
| - | Cấp NSH bản Tà Lèng | Xã Hoàng Thèn | 57 hộ | 2024-2025 | 1.500 | 1.500 | 1.500 | 1.500 | Ban QLDA |
| III | Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch | | | | 2.450 | 2.375 | 2.375 | 2.375 | |
| 1 | Danh mục điều chỉnh quy mô đầu tư | | | | 950 | 950 | 950 | 950 | |
| - | Bản du lịch cộng đồng Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ gắn với du lịch sinh thái, nông nghiệp | xã Sin Suối Hồ | 1km điện chiếu sáng | 2024-2025 | 950 | 950 | 950 | 950 | Ban QLDA |
| 2 | Điều chỉnh danh mục dự án | | | | | | | | |
| 2.1 | Dự án điều chỉnh giảm | | | | 900 | 855 | 855 | 855 | |
| - | Nhà văn hóa bản Sin Chải, xã Si Lở Lầu | Xã Si Lở Lầu | 1 NVH | 2022-2024 | 300 | 285 | 285 | 285 | UBND xã Si Lở Lầu |
| - | Nhà văn hóa bản Hoàng Thèn, xã Vàng Ma Chải | xã Vàng Ma Chải | 1 NVH | 2022-2024 | 300 | 285 | 285 | 285 | UBND xã Vàng Ma Chải |
| - | Nhà văn hóa bản San Di, xã Nậm Xe | xã Nậm Xe | 1 NVH | 2022-2024 | 300 | 285 | 285 | 285 | UBND xã Nậm Xe |
| 2.2 | Các dự án thay thế | | | | 870 | 855 | 855 | 855 | |
| - | Nhà Văn hóa bản Lao Chải, xã Si Lở Lầu | Xã Si Lở Lầu | 1 NVH | 2024-2025 | 285 | 285 | 285 | 285 | UBND xã Si Lở Lầu |
| - | Nhà văn hóa bản Tà Ô, xã Vàng Ma Chải | xã Vàng Ma Chải | 1 NVH | 2024-2025 | 285 | 285 | 285 | 285 | UBND xã Vàng Ma Chải |
| - | Xây mới nhà văn hóa bản Van Hồ 1, xã Nậm Xe | xã Nậm Xe | 1 NVH | 2023-2025 | 300 | 285 | 285 | 285 | UBND xã Nậm Xe |